

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày 19/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Thanh Cầm;

Bà La Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2024/TLST-HS ngày 25/10/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 06/12/2024 đối với bị cáo:

Hoàng Thanh B (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 28/5/1977 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ H, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Công nhân điện lực; chức vụ trước khi phạm tội: Giám đốc điện lực N; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1947; vợ: Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/3/2024 cho đến ngày 04/7/2024 được thay đổi và áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hà Trung T1, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Nguyễn Thanh C, sinh năm 1985, trú tại: Xóm N, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1975, trú tại: Thôn N, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. [Lê Mạnh T2](#), sinh năm 1981, trú tại: [Thôn H, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

4. [Triều Văn D](#), sinh năm 1983, trú tại: [Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* [Nguyễn Thị Minh H](#), sinh năm 1977, trú tại: [Tổ H, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kan](#). Có mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng:*

1. [Nguyễn Văn H1](#), sinh năm 1973, trú tại: [Thôn H, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội](#). Vắng mặt tại phiên tòa;

2. [Đàm Quang H2](#), sinh năm 1975, trú tại: [Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kan](#). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điện lực [huyện N](#) là đơn vị trực thuộc [Công ty Đ](#) và có tư cách pháp nhân, tài khoản, được sử dụng con dấu riêng để giao dịch. Từ năm 2017 đến tháng 3/2024, Điện lực Na Rì do [Hoàng Thanh B](#) làm giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của đơn vị và đồng thời là chủ tài khoản của đơn vị.

Theo quy định của Nghị định số: 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực và các quy định của ngành điện lực, thì việc nâng công suất các trạm biến áp do ngành điện lực đầu tư, thì chi phí sẽ do ngành điện lực chi trả, khách hàng không phải thanh toán chi phí, trừ trường hợp có thỏa thuận khác... Tuy nhiên, từ năm 2017 cho đến tháng 6/2023, [Hoàng Thanh B](#) với tư cách là Giám đốc [điện lực N](#) đã 06 lần có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn thu tiền của các khách hàng trái quy định nêu trên (để chiếm đoạt) khi họ có nhu cầu nâng công suất trạm biến áp (sau đây viết tắt là TBA) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn [huyện N](#) với tổng số tiền 820.000.000đ (*tám trăm, hai mươi triệu đồng*). Cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng giữa năm 2017, ông [Nguyễn Thanh C](#), là chủ cơ sở chế biến gỗ ở [thôn K, xã L, huyện N](#) có nhu cầu nâng công suất TBA Khuổi Táy để phục vụ hoạt động của xưởng gỗ nên đã liên hệ với [Hoàng Thanh B](#). Qua trao đổi, [B](#) cho biết để nâng công suất TBA thì khách hàng phải chịu chi phí 100.000.000 đồng thì ông [C](#) đồng ý và sau đó tại [quán C3 ở thành phố B](#), ông [C](#) đã đưa cho [B](#) số tiền 100.000.000 đồng theo yêu cầu của [B](#). Sau khi ông [C](#) đưa tiền cho [B](#), [B](#) chỉ đạo và hoàn thiện hồ sơ để TBA Khuổi Táy được nâng công suất từ 50KVA lên 100KVA;

Lần 2: Năm 2019, ông [Nguyễn Văn P](#) mở một xưởng gỗ bóc tại [thôn N, xã V \(nay là xã V\), huyện N](#). Do công suất của TBA Văn Học 2 không đủ đáp ứng

hoạt động của xưởng gỗ, nên ông P liên hệ với Hoàng Thanh B để nâng công suất TBA, thì B cho biết để nâng công suất trạm biến áp khách hàng phải chịu chi phí 130.000.000 đồng, thì ông P đồng ý. Đến ngày 21/11/2019, tại phòng làm việc của B, ông P đã đưa cho B số tiền 130.000.000 đồng theo yêu cầu của B và khi nhận tiền, B viết cho ông P một giấy biên nhận. Sau khi ông P đưa tiền, B chỉ đạo và hoàn thiện hồ sơ để TBA Văn Học 2 được nâng công suất từ 50KVA lên 100KVA;

Lần 3: Khoảng tháng 6/2021, ông Lê Mạnh T2 cùng anh họ là Nguyễn Văn H1 đến Điện lực Na Rì trao đổi Hoàng Thanh B để nâng công suất TBA Nà Giàng phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến gỗ cho xưởng gỗ của ông T2 ở thôn K, xã D, huyện N thì B cho biết khách hàng phải chịu chi phí 140.000.000 đồng, thì ông T2 đồng ý. Đến ngày 21/6/2021, tại phòng làm việc của, ông T2 đã đưa cho B số tiền 140.000.000 đồng, khi nhận tiền, B viết cho ông T2 một giấy biên nhận. Sau khi ông T2 đưa tiền, thì B chỉ đạo và hoàn thiện hồ sơ để TBA Nà Giàng được nâng công suất từ 50KVA lên 100KVA;

Lần 4: Năm 2021, ông Nguyễn Thanh C tiếp tục mở một xưởng gỗ tại thôn N, xã Đ, huyện N. Do công suất của TBA Đồng Xá 3 không đủ đáp ứng hoạt động của xưởng gỗ, nên ông C đã tiếp tục liên hệ với Hoàng Thanh B để nâng công suất. B cho biết để nâng công suất TBA thì khách hàng phải chịu chi phí 100.000.000 đồng, thì ông C đồng ý. Đến ngày 18/5/2022, ông C chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng N1 của B. Sau khi ông C chuyển tiền, thì B chỉ đạo và hoàn thiện hồ sơ để TBA Đồng Xá 3 được nâng công suất từ 50KVA lên 100KVA;

Lần 5: Khoảng tháng 11/2021, ông Triệu Văn D có nhu cầu nâng công suất TBA Sác Sái (xã C) và TBA Lạng San 4 (xã V) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh cho 02 xưởng chế biến gỗ. Ông D đã liên hệ với Hoàng Thanh B để nâng công suất của TBA, thì B cho biết để nâng công suất thì mỗi TBA khách hàng phải chịu chi phí 110.000.000 đồng, tổng chi phí để nâng công suất 02 TBA là 220.000.000 đồng, thì ông D đồng ý. Ngày 19/12/2021, ông D cùng cậu họ là anh Đàm Quang H2 đến gặp B tại phòng làm việc và đưa cho B số tiền 120.000.000 đồng và ngày 20/12/2021, ông D tiếp tục chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng N1 của B. Tổng số tiền ông D đưa và chuyển khoản cho B để được nâng công suất TBA Sác Sái và Lạng San 4 là 220.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của ông D, thì B chỉ đạo và hoàn thiện hồ sơ để TBA Sác Sái và Lạng San 4 được nâng công suất từ 50KVA lên 180KVA;

Lần 6: Năm 2023, ông Triệu Văn D và ông Hà Văn L1 cùng góp vốn mở một xưởng gỗ tại thôn N, xã V, huyện N. Để phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến gỗ, tháng 6/2023, ông L1 đã liên hệ với Hoàng Thanh B để nâng công suất TBA Văn Minh 3, thì B cho biết chi phí khách hàng phải chịu để nâng công suất là 130.000.000 đồng. Sau đó, ông L1 đã trao đổi lại với D và được D đồng ý. Đến ngày 02/6/2023, ông D chuyển số tiền 130.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng

N1 của B. Sau khi nhận được tiền của ông D, thì B chỉ đạo và hoàn thiện hồ sơ để TBA Văn Minh 3 được nâng công suất từ 50KVA lên 160KVA.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành khám xét tại phòng làm việc của bị cáo tại Điện lực huyện N và nơi ở của bị cáo Hoàng Thanh B. Qua khám xét không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến hành vi phạm tội của B. Đồng thời tiến hành thực nghiệm điều tra việc bị cáo B nhận số tiền 120.000.000 đồng của ông Triệu Văn D vào ngày 19/12/2021 tại phòng làm việc của B. Tiến hành in sao kê các giao dịch chuyển, nhận tiền giữa B và Nguyễn Thanh C, Triệu Văn D và tiến hành việc trưng cầu giám định các vấn đề liên quan đến vụ việc để điều tra làm rõ hành vi phạm tội của B theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 204/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: “*Các chữ viết, chữ ký (trừ chữ viết, chữ ký dưới mục “Người giao”) trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết, chữ ký của “Hoàng Thanh B” trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3, M4) là do cùng một người ký, viết ra*”.

Tại bản kết luận giám định số 240/KL-KTHS ngày 05/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: “*Các chữ viết, chữ ký (trừ chữ viết, chữ ký dưới mục “Người giao”) trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết, chữ ký của “Hoàng Thanh B” trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3, M4) là do cùng một người ký, viết ra*”.

Tại bản Cáo trạng số: 55/CT-VKSBK-P1 ngày 25/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố Hoàng Thanh B về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 355 Bộ luật hình sự (BLHS). Điều luật có nội dung:

Điều 355 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, ...thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 13 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 355; điểm b, r và s khoản 1, khoản 2 Điều

51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo [Hoàng Thanh B](#) từ 06 đến 07 năm tù, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 28/3/2024 đến ngày 04/7/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý, lãnh đạo trong ngành điện lực từ 01 đến 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động và 01 máy tính xách tay đều đã cũ. Tạm giữ số tiền bị cáo nộp tại Cục Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo [Hoàng Thanh B](#) khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Người bào chữa nhất trí với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội tại phiên tòa đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ khoảng giữa năm 2017 cho đến ngày 02/6/2023, [Hoàng Thanh B](#) là Giám đốc Điện lực huyện [Na R](#) và là người có chức vụ, quyền hạn đã 06 (sáu) lần lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền của 04 (bốn) khách hàng khi họ có nhu cầu nâng công suất trạm biến áp để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn [huyện N](#), cụ thể: Chiếm đoạt của ông [Nguyễn Thanh C](#) số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); ông [Nguyễn Văn P](#), số tiền 130.000.000đ (một trăm, ba mươi triệu đồng); ông [Lê Mạnh T2](#) số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng); ông [Triệu Văn D](#) số tiền 350.000.000đ (ba trăm, năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bị cáo [B](#) chiếm đoạt được của các bị hại là 820.000.000đ (tám trăm, hai mươi triệu đồng). Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo đã sử dụng cho nhiều mục đích cá nhân của bản thân. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều

355 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tiền của khách hàng là trái quy định, nhưng vẫn nhiều lần thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, nhất là hoạt động đúng đắn của [Điện lực huyện N](#) và [Công ty điện lực tỉnh Đ](#). Do đó, cần áp dụng pháp luật hình sự nghiêm khắc để xử lý, nhằm răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án:

Về nhân thân: Bị cáo [Hoàng Thanh B](#) có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo [Hoàng Thanh B](#) thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tiền nhiều lần đối với nhiều người và các lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo [Hoàng Thanh B](#) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 350.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, trả lại cho ông [Triệu Văn D](#) và tác động vợ là bà [Nguyễn Thị Minh H](#) tiến hành thỏa thuận, trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại [Nguyễn Thanh C](#), [Nguyễn Văn P](#) và [Lê Mạnh T2](#) tổng số tiền 470.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo còn tự nguyện khai nhận ngoài 03 lần nhận tiền của ông [Triệu Văn D](#), thì trước đó bị cáo còn được nhận tiền của các ông [Nguyễn Thanh C](#), [Nguyễn Văn P](#) và [Lê Mạnh T2](#) để nâng công suất TBA như đã khai ở trên. Ngoài ra, bản thân bị cáo trong quá trình công tác được [Tổng Công ty Đ1](#) tặng Giấy khen các năm 2017, 2022; Chủ tịch [Ủy ban nhân dân huyện N](#) tặng Giấy khen năm 2022 do đã có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác; Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố B](#) tặng Giấy khen năm 2023 đạt gia đình tiêu biểu xuất sắc trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; các bị hại trong vụ án có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, bị cáo có mẹ vợ là bà [Phùng Thị H3](#) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; ông nội vợ là ông [Nông Nguyên C1](#) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bà nội vợ là bà [Lý Thị M](#) được Nhà nước tặng Bằng có công với nước do đã hăng hái đấu tranh chống đế quốc, tích cực giúp đỡ và bảo vệ cách mạng. Bị cáo tự nguyện nộp số tiền 200.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, sau khi khởi tố vụ án, bị

cáo đã phải bán nhà gia đình đang ở để khắc phục hậu quả cho các bị hại, hiện nay gia đình bị cáo đang phải thuê phòng trọ để ở, điều kiện kinh tế khó khăn, một mình vợ bị cáo lao động nuôi 02 con đang tuổi ăn học và mẹ già. Do vậy, bị cáo [Hoàng Thanh B](#) được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r và s khoản 1 Điều 51 BLHS, đó là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”; “*Người phạm tội tự thú*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào các quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện được tính nhân văn, khoan hồng của chính sách pháp luật Nhà nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, HĐXX xét thấy hành vi bị cáo thực hiện là “*lạm dụng chức vụ, quyền hạn*”. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, lãnh đạo trong ngành điện lực một thời gian sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị hại [Triệu Văn D](#), [Nguyễn Văn P](#), [Nguyễn Thanh C](#) và [Lê Mạnh T2](#) có yêu cầu, đề nghị bị cáo [Hoàng Thanh B](#) phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Đến nay, bị cáo và gia đình đã tiến hành thỏa thuận, trả lại cho các bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Các bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà [Nguyễn Thị Minh H](#), vợ bị cáo [B](#) xác định tiền bồi thường cho các bị hại là tài sản chung của hai vợ chồng và không yêu cầu bị cáo hoàn trả. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 350.000.000 đồng bị cáo tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, trả lại cho ông [Triệu Văn D](#). Quá trình điều tra bị cáo và ông [D](#) có yêu cầu, đề nghị trả lại số tiền này cho ông [D](#), nên ngày 12/9/2024 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông [D](#), xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động “SAMSUNG A53” gắn 01 thẻ sim số 0948319259 đã cũ và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL đã cũ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo không phải chịu nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, nên cần trả lại các tài sản trên cho bị cáo.

Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, được HĐXX chấp nhận.

[9] Trong vụ án còn có nội dung:

9.1 Đối với nội dung đơn tố giác và lời khai của Hoàng Thanh B về việc ông Dương Quang S, sinh năm 1963, trú tại phố A, phường V, quận L, thành phố Hà Nội (Tạm trú và chỗ ở tại số A, ngõ F, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) là Giám đốc Công ty Đ (tại thời điểm B chiếm đoạt tiền của các khách hàng nêu trên) là người đã chỉ đạo B nhận tiền của các khách hàng trái quy định khi nâng công suất các TBA và sau khi nhận được tiền, B đã đưa toàn bộ hoặc một phần cho ông S và được ông S đưa lại cho một khoản tiền, cụ thể: Số tiền 200.000.000 đồng nhận của ông Nguyễn Thanh C khi nâng công suất TBA Khuổi Táy và TBA Đồng Xá 3 thì B giữ lại 40.000.000 đồng và đưa cho ông S 160.000.000 đồng. Số tiền 130.000.000 đồng nhận của ông Nguyễn Văn P khi nâng công suất TBA Văn Học 2 thì B giữ lại 50.000.000 đồng và đưa cho ông S 80.000.000 đồng. Số tiền 140.000.000 đồng nhận của ông Lê Mạnh T2 khi nâng công suất TBA Nà Giàng thì B giữ lại 60.000.000 đồng và đưa cho ông S 80.000.000 đồng. Tổng số tiền 350.000.000 đồng nhận của Triệu Văn D khi nâng công suất TBA Sắc Sái, L và Văn M1 3 thì B đưa toàn bộ cho ông S và được ông S đưa lại cho 120.000.000 đồng.

Qua điều tra lấy lời khai, đối chất ông S không thừa nhận được chỉ đạo B nhận tiền của các khách hàng trái quy định khi nâng công suất các TBA và nhận số tiền như B đã tố cáo và khai nhận. B khai nhận quá trình đưa tiền cho ông S thì B đều gặp riêng và đưa tiền mặt tại phòng làm việc của ông S ở Công ty Đ, thời gian cụ thể đưa tiền cho ông S thì B không nhớ. Ngoài lời khai của B thì Cơ quan điều tra không có tài liệu, chứng cứ, vật chứng khác để xác định việc ông S chỉ đạo B nhận tiền của các khách hàng trái quy định khi nâng công suất các TBA và nhận tiền mà B chiếm đoạt được. Nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý là có căn cứ.

9.2 Đối với lời khai của Hoàng Thanh B về việc B được nhận số tiền 300.000.000 đồng của ông Phạm Minh T3, sinh năm 1967, trú tại: Tổ dân phố số C, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội, tạm trú tại: Số I, ngõ A đường X, phường D, quận C, thành phố Hà Nội, để nâng công suất TBA Lạng San 3. Qua điều tra lấy lời khai, đối chất ông T3 không thừa nhận được đưa số tiền 300.000.000 đồng như B đã khai nhận. B khai nhận, việc nhận tiền của ông T3 thì ông T3 đến gặp riêng và đưa tiền mặt tại phòng làm việc của B ở Điện lực N. Ngoài lời khai của B, thì Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ, vật chứng nào khác. Nên không đủ căn cứ để xác định B có chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của ông T3 như B đã khai nhận để xem xét, xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

9.3 Đối với bà [Nguyễn Thị Minh H](#), vợ bị cáo [B](#), quá trình điều tra xác định bà [H](#) không biết và không được [B](#) nói hay biết việc [B](#) có hành vi chiếm đoạt tiền của khách hàng khi nâng công suất các TBA nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Hoàng Thanh B](#) phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 355; điểm b, r và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Hoàng Thanh B](#) 06 ([S1](#)) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 28/3/2024 đến ngày 04/7/2024.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo [Hoàng Thanh B](#) đảm nhiệm chức vụ quản lý, lãnh đạo trong ngành điện lực trong thời gian 02 (Hai) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

3.1 Trả lại bị cáo [Hoàng Thanh B](#) 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu “SAMSUNG A53” màu vàng đồng có ốp lưng màu đen gắn 01 thẻ sim số 0948319259, tình trạng cũ, đã qua sử dụng và 01 (Một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, màu bạc, tình trạng cũ, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa [Công an tỉnh B](#) và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

3.2 Tạm giữ số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) bị cáo [Hoàng Thanh B](#) nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, theo biên lai số 0000266 ngày 25/12/2024 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo [Hoàng Thanh B](#) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng An ninh điều tra CA tỉnh;
- THAHS;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương